

Phụ lục II:
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số..... /20..... /QĐ-UBND)

1. Mô hình trồng cây dầu con rái (dầu rái, dầu nước, dầu sơn)

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	550	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	55	
3	Phân NPK (0,2kg/cây)	Kg	110	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (0,2kg/cây)	Kg	110	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (0,2kg/cây)	Kg	110	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 3%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

2. Mô hình trồng cây gáo

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	625	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	62	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	125	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	125	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	125	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình	$\leq 3\%$	

		hình được phê duyệt		
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

3. Mô hình trồng cây bồ đề

A. Định mức lao động:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	200	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	

6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	
---	------------------	--	------------	--

4. Mô hình trồng cây giới xanh

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	100	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	

6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	
---	------------------	--	------------	--

5. Mô hình trồng cây bạch đàn thâm canh

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Thuốc chống mối	1.000đ	4.000	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô	$\leq 3\%$	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
		hình được phê duyệt		
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

6. Mô hình trồng rừng cây keo lai

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Thuốc chống mối	1.000đ	4.000	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

7. Mô hình trồng rừng cây keo lá tràm

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	
4	Thuốc chống mối	1.000đ	4.000	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng

				Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

8. Mô hình trồng rừng cây keo tai tượng

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Thuốc chống mối	1.000đ	4.000	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

9. Mô hình trồng cây lát hoa

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	100	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	200	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

10. Mô hình trồng cây sao đen

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	50	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

11. Mô hình trồng rừng cây sưa

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	332	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

12. Mô hình trồng rừng cây tếch

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	498	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	498	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	498	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

13. Mô hình trồng cây thông Caribe

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	200	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng

2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

14. Mô hình trồng cây thông đuôi ngựa

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	200	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng

				Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

15. Mô hình trồng cây thông nhựa

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	200	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng

				Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

16. Mô hình trồng cây xoan đào

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.100	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	110	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	330	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	330	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	330	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng

				Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

17. Mô hình trồng cây xoan ta

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.650	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	165	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	330	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	330	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	330	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-------------	----------	---------

1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

18. Mô hình trồng cây mắc ca theo phương thức trồng thuần

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	280	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	28	
3	Phân NPK	Kg	140	
4	Vôi bột	Kg	84	
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK	Kg	56	
2	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	560	
3	Vôi bột	Kg	28	
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK	Kg	56	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
2	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	560	
3	Vôi bột	Kg	28	

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

19. Mô hình trồng cây mắc ca theo phương thức trồng xen

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	110	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	11	
3	Phân NPK	Kg	55	
4	Vôi bột	Kg	33	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK	Kg	22	
2	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	220	
3	Vôi bột	Kg	11	
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK	Kg	22	
2	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	220	
3	Vôi bột	Kg	11	

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

20. Mô hình ghép cải tạo vườn mắc ca

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	9	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị	Định	Ghi chú
-----	----------	--------	------	---------

		tính	mức	
1	Chòi ghép	Chòi	600	Theo tiêu chuẩn vật liệu nhân giống
2	Chòi ghép dặm	Công	60	
3	Công ghép	Công	1	
4	Công ghép dặm	Công	1	
5	Dây ghép	Cuộn	3	
6	Phân bón lá	Kg	2	
7	Phân NPK	Kg	100	
8	Thuốc Bảo vệ thực vật	1.000đ	4.000	

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	9	
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 3%	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 5%	

21. Mô hình trồng cây bởi lời đồn

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
-----	----------	--------	----------	---------

		tính		
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	3.300	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	330	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	666	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	666	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	666	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

22. Mô hình trồng cây dó trầm

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	ĐVT	Định	Ghi chú
-----	----------	-----	------	---------

			mức	
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	1.660	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	166	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	498	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	498	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	498	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 3%	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 5%	

23. Mô hình trồng cây đàn hương

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
-----	----------	-------------	----------	---------

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	50	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Phân vi sinh	Kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân vi sinh	Kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân vi sinh	Kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 3%	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 5%	

24. Mô hình trồng cây giới ăn hạt bằng cây ghép

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
---	------------------------------------	------------------	-------	--

B. Định mức giống, vật tư: (tính cho 01 ha)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	50	
3	Phân NPK (16:16:8)	Kg	250	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Phân vi sinh	Kg	1.000	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (16:16:8)	Kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân vi sinh	Kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (16:16:8)	Kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân vi sinh	Kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 3%	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 5%	

25. Mô hình trồng cây quế thâm canh

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp
---	------------------------------------	------------------	-------	--

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	4.444	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	444	
3	Phân NPK (5:10:3)	Kg	1.333	Trồng thông thường
4	Phân vi sinh	Kg	2.222	Trồng hữu cơ
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	1.333	Trồng thông thường
2	Phân vi sinh	Kg	2.222	Trồng hữu cơ
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (5:10:3)	Kg	1.333	Trồng thông thường
2	Phân vi sinh	Kg	2.222	Trồng hữu cơ

C. Định mức triển khai:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

26. Mô hình trồng cây sáu ghép

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định	Ghi chú
-----	----------	-------------	------	---------

			mức	
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	50	
3	Phân NPK	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK	Kg	100	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 3%	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	≤ 5%	

27. Mô hình trồng cây trám ghép

A. Định mức lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	500	Chiều cao cây giống từ 50 - 60 cm, trong đó, chiều dài của cành ghép ≥ 20 cm. Cây sinh trưởng tốt, có lá xanh ở dạng bánh tẻ, vết ghép liền sẹo, cây không cong queo, sâu bệnh
2	Cây trồng dặm	Cây	50	
3	Phân NPK (16:16:8)	Kg	250	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Thuốc chống mối (0,02kg/ cây)	Kg	10	
5	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	1.000	
6	Chế phẩm sinh học/Thuốc Bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK (16:16:8)	Kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	500	
3	Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK (16:16:8)	Kg	500	Tiêu chuẩn cơ sở
2	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	500	
3	Chế phẩm sinh học/Thuốc Bảo vệ thực vật	1.000đ	3.000	

C. Định mức triển khai:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

28. Mô hình trồng cây tre**A. Định mức lao động**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: (tính cho 01 ha)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	500	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	50	
3	Phân NPK	Kg	150	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
1	Phân NPK	Kg	150	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
1	Phân NPK	Kg	150	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

29. Mô hình trồng cây sủ**A. Định mức lao động**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	8,7,5	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
I	Năm thứ 1			
1	Cây trồng mới	Cây	2.000	Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp
2	Cây trồng dặm	Cây	200	
3	Phân NPK 0,2kg/cây	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
II	Năm thứ 2			
	Phân NPK 0,2kg/cây	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở
III	Năm thứ 3			
	Phân NPK 0,2kg/cây	Kg	400	Tiêu chuẩn cơ sở

C. Định mức triển khai:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	8, 7, 5	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Năm 3: 05 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	

30. Mô hình vườn ươm cây lâm nghiệp**A. Định mức lao động**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (người dân đối ứng)
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/người/điểm	15	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp

B. Định mức giống, vật tư: tính cho 01 ha

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Cây mô mầm	Cây	200.000	Cây mầm đảm bảo tiêu chuẩn. Tỷ lệ sống $\geq 85\%$
2	Vỏ bầu	Cái	200.000	7 x 12 cm hoặc 8 x 12 cm
3	Đất để đóng bầu	M ³	95	Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật
4	Phân vi sinh	Tấn	5	Tiêu chuẩn cơ sở
5	Phân lân	Kg	500	
6	Phân NPK bón thúc	Kg	30	

C. Định mức triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	15	Năm 1: 08 tháng Năm 2: 07 tháng
2	Tập huấn	Lần	1	Lần/điểm
3	Bảng mô hình	Bảng	1	Bảng/điểm
4	Sơ kết, tổng kết	Lần	1	Lần/điểm
5	Cơ quan quản lý	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 3\%$	
6	Đơn vị thực hiện	% Tổng kinh phí mô hình được phê duyệt	$\leq 5\%$	